TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST Ngày: 25 - 7 - 2019 "V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Văn Nhật. Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Nơi cư trú: Xã Song Phượng, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

2. Bà Lê Thị Như Hoa. Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Hội người cao tuổi huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Cụm 12, xã A, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Th, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số nhà 12, ngõ 154 đường Vạn Xuân, cụm 7, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là bà Lê Thị Kim T trình bày: Bà và ông Nguyễn Đình Th kết hôn với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội vào ngày 19/12/1995. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Th nghiện ma túy, không chăm lo cuộc sống kinh tế gia đình. Bà đã khuyên ông Th nhiều lần nhưng không có kết quả, vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay tình cảm với ông Th không còn nên bà xin được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Th có với nhau hai người con chung là Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 25/12/1996 và Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 13/9/2001. Khi ly hôn bà đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Thị Phương T1 và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Thị Hồng Nh, do cháu đã trưởng thành và đã tự lập trong cuộc sống nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công sức đóng góp với gia đình và nợ chung: Không có.

- *Bị đơn là ông Nguyễn Đình Th trình bày:* Ông thừa nhận thời gian chung sống và đăng ký kết hôn đúng như bà Lê Thị Kim T đã trình bày. Theo ông, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vào khoảng năm 2016, khi ông có ý định đón cháu ngoại là con của con gái riêng của ông với người vợ trước về nuôi nhưng bà T không đồng ý nên vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn. Từ đó, hai bên không quan tâm hỏi han gì đến nhau, bà T đi lao động ở nước ngoài cũng không gửi tiền về cho ông. Vì vậy, bà T xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông thừa nhận vợ chồng có 02 con chung như bà T khai. Do cả hai con của ông với bà T đều đã trưởng thành và đã tự nuôi sống được bản thân nên khi ly hôn ông đề nghị không phải giải quyết đến nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công sức đóng góp với gia đình và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Đình Th đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Kim T, xử cho bà T được ly hôn ông Th. Giao cháu Nguyễn Thị Phương T1 cho bà Lê Thị Kim T nuôi. Về tài sản chung không có nên không đề nghị giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Đình Th đều có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội, vì vậy Toà án nhân dân huyện Đ thụ lý đơn khởi kiện của bà Lê Thị Kim T về việc xin ly hôn và xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng với quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo qui định của pháp luật, do ông Nguyễn Đình Th vắng mặt tại phiên họp, hòa giải nên Tòa án không tiến hành được việc hòa giải vụ án. Vì vậy, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Cả bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Đình Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Đình Th kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội vào ngày 19/12/1995 nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy bà T, ông Th xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình sống chung không giống nhau, nhưng cả hai bên đều thừa nhận có mâu thuẫn từ năm 2006 và sống ly thân từ đó đến nay. Bà T khẳng định tình cảm vợ chồng với ông Th không còn nên xin ly hôn, ông Th cũng đồng ý ly hôn với bà T. Điều đó thể hiện tình trạng hôn nhân của bà T và ông Th là trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn tồn tại, vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông Th.

[3] Về quyền nuôi con chung: Bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Đình Th có hai con chung là Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 25/12/1996 và Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 13/9/2001. Khi ly hôn, bà T đề nghị được nuôi cháu T1, còn cháu Nhung đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét. Ông Nguyễn Đình Th cho rằng hai con của ông và bà T đều đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết về quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu Nguyễn Thị Phương T1 hiện tại chưa đủ 18 tuổi nên khi bà T và ông Th ly hôn cần đặt ra việc giao người nuôi dưỡng. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu T1 có nguyện vọng được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu T1 cho bà T nuôi là phù hợp. Đối với con chung là Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 25/12/1996 đã trưởng thành và tự lập nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Do bà Lê Thị Kim T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Đình Th cho đến khi bà T có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

[4] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Đình Th đều xác định không có tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Kim T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim T đối với ông Nguyễn Đình Th.

1. Bà Lê Thị Kim T được ly hôn ông Nguyễn Đình Th.

2. Về quyền nuôi con chung: Xác định bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Đình Th có hai con chung là Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 25/12/1996 và Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 13/9/2001. Con chung là Nguyễn Thị Hồng Nh đã trưởng thành và tự lập nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Thị Phương T1, sinh ngày 13/9/2001 cho bà Lê Thị Kim T nuôi cho đến khi cháu Nguyễn Thị Phương T1 đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Bà Lê Thị Kim T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Đình Th cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Đình Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức với gia đình, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010495 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Đình Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã M, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Văn Tuyến